

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
SƠN TỔNG
HỢP HÀ NỘI**

Ký số bài: CÔNG TY CỔ PHẦN
SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI
Thời gian ký: 27/02/2025,
16:36:02

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Hà Nội - Tháng 2 năm 2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 20/12/2005, đăng ký các lần và thay đổi lần thứ 12 ngày 05/6/2025.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: HANOI SYNTHETIC PAINT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt là: HASYNPAINTCO.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 05/6/2025, vốn điều lệ của Công ty là 120.270.860.000 VND (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Văn, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã HSP.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thiện Ái	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Ủy viên
Ông Trịnh Lê Minh	Ủy viên (Thành viên HĐQT độc lập)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Minh Đức	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Huyền	Ủy viên
Ông Vương Tuấn Anh	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

010
IG 1
HI
TO
ETA
NỘI

Số: 81/2026/BCKT-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội được lập ngày 25 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Net test

Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Lê Mạnh Hùng**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4301-2023-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		206.974.472.788	208.582.994.867
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	45.344.118.877	90.111.757.334
1. Tiền	111		45.344.118.877	63.111.757.334
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	27.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		58.000.000.000	25.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	58.000.000.000	25.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.938.720.143	24.295.744.542
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	16.244.673.024	23.469.511.755
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	405.425.000	177.736.897
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.311.804.289	648.495.890
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(23.182.170)	-
IV. Hàng tồn kho	140		84.017.808.497	69.053.625.741
1. Hàng tồn kho	141	5.6	85.001.766.677	69.053.625.741
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(983.958.180)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.673.825.271	121.867.250
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		332.314.425	121.867.250
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	1.341.510.846	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		20.226.104.291	20.239.750.619
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		19.260.060.070	19.027.255.763
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	9.699.869.167	8.731.305.812
- Nguyên giá	222		100.841.114.040	98.826.471.657
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(91.141.244.873)	(90.095.165.845)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	9.560.190.903	10.295.949.951
- Nguyên giá	228		18.732.149.311	18.732.149.311
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.171.958.408)	(8.436.199.360)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		966.044.221	1.212.494.856
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	966.044.221	1.212.494.856
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		227.200.577.079	228.822.745.486

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		29.832.950.885	32.188.700.554
I. Nợ ngắn hạn	310		29.832.950.885	32.188.700.554
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	6.688.514.017	7.836.154.038
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	2.680.777.728	3.471.120.263
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.747.427.359	1.235.309.479
4. Phải trả người lao động	314		9.018.341.370	7.885.425.417
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	1.616.151.567	1.707.259.372
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	3.979.981.639	6.816.309.008
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.101.757.205	3.237.122.977
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		197.367.626.194	196.634.044.932
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	197.367.626.194	196.634.044.932
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.270.860.000	120.270.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.270.860.000	120.270.860.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.060.000.000	14.060.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		39.195.797.496	38.151.435.908
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.290.158.674	3.290.158.674
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.550.810.024	20.861.590.350
- LNST chưa phân phối LK đến cuối kỳ trước	421a		10.613.014	88.691.534
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.540.197.010	20.772.898.816
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		227.200.577.079	228.822.745.486

Người lập



Đỗ Minh Tâm

Kế toán trưởng



Phạm Thu Hà

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	433.298.171.435	417.500.932.846
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	241.281.763	167.068.515
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	433.056.889.672	417.333.864.331
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	360.648.449.325	345.764.918.706
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		72.408.440.347	71.568.945.625
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.922.316.947	2.557.221.803
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3.747.672.957	2.305.509.473
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	17.333.114.362	14.396.360.268
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	28.305.053.704	30.129.706.381
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		25.944.916.271	27.294.591.306
11. Thu nhập khác	31	6.6	50.007.901	16.660.513
12. Chi phí khác	32	6.6	120.615.833	919.679.064
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(70.607.932)	(903.018.551)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		25.874.308.339	26.391.572.755
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	5.334.111.329	5.618.673.939
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		20.540.197.010	20.772.898.816
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.708	1.640

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Tổng Giám đốc

Đỗ Minh Tâm

Phạm Thu Hà



Nguyễn Ngọc Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.874.308.339	26.391.572.755
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.234.149.876	2.813.648.543
- Các khoản dự phòng	03		1.007.140.350	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.854.381)	(10.613.015)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.965.040.282)	(2.546.608.788)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27.144.703.902	26.647.999.495
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.370.772.636)	(11.868.491.023)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.948.140.936)	(8.569.802.186)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.798.073.807	5.569.493.202
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		246.450.635	(1.078.090.909)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.962.096.116)	(5.706.108.979)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(191.727.360)	(203.395.125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.716.491.296	4.791.604.475
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.466.954.183)	(2.604.872.440)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		50.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(149.000.000.000)	(149.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		116.000.000.000	167.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.689.224.209	1.908.725.913
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(33.727.729.974)	17.303.853.473
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.762.254.160)	(13.710.878.040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.762.254.160)	(13.710.878.040)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(44.773.492.838)	8.384.579.908
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		90.111.757.334	81.716.564.411
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.854.381	10.613.015
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	45.344.118.877	90.111.757.334

MỘT G H T C T

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Người lập



Đỗ Minh Tâm

Kế toán trưởng



Phạm Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 20/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05/6/2025.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: HANOI SYNTHETIC PAINT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt là: HASYNPAINTCO.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 05/6/2025, vốn điều lệ của Công ty là 120.270.860.000 VND (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã HSP.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Văn, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là: 219 người (tại ngày 31/12/2024 là: 220 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tư vấn, gia công, dịch vụ kỹ thuật liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ: Sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón sinh học;
- (Không bao gồm những ngành, nghề mà Pháp luật cấm kinh doanh và chỉ kinh doanh sau khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là: Sản xuất và kinh doanh sơn...

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	04 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng là 20 năm, phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: Được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ của từng khoản mục chi phí.

Chi phí trả trước: Được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, theo thời gian sử dụng hữu ích của công cụ dụng cụ phân bổ không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

S. D. I
 C. I
 T
 KIẾ
 CPA
 Y. H.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Trong năm chi phí lãi vay được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh, số chênh lệch giữ số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là Nợ phải trả khi có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Hàng bán bị trả lại:** Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính và giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:** Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sơn, chỉ phục vụ duy nhất cho hoạt động này... và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	3.724.322.989	6.967.697.177
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.619.795.888	56.144.060.157
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng) gửi tại:	-	27.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Láng Hạ</i>	-	27.000.000.000
Tổng	45.344.118.877	90.111.757.334

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	58.000.000.000	58.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 6 đến 12 tháng tại:</i>				
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Láng Hạ</i>	58.000.000.000	58.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Tổng	58.000.000.000	58.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	16.244.673.024	23.469.511.755
Công ty Honda Việt Nam	7.735.168.015	10.486.341.210
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Đạt	1.052.181.999	-
Công ty CP Nhựa và cơ khí Hải Phòng	123.446.074	2.721.578.156
Trung tâm Kinh doanh hóa chất sơn - Công ty CP Hóa chất nhựa Đà Nẵng	494.130.410	682.596.635
Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam	1.349.890.056	565.316.730
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Bình Lâm	662.578.645	2.834.961.559
Công ty TNHH Công Nghiệp Chính xác Việt Nam 1	771.502.930	846.767.300
Các khách hàng khác	4.055.774.895	5.331.950.165
Tổng	16.244.673.024	23.469.511.755

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	405.425.000	177.736.897
Công ty Cổ phần Bao bì kim loại Việt Nam	144.168.454	-
Công ty CP Sản xuất và thương mại nội thất Hà Nội	-	44.874.000
Công ty TNHH Thái Thông Hưng Yên	103.915.916	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	157.340.630	132.862.897
Tổng	405.425.000	177.736.897

5.5 Phải thu khác ngắn hạn khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	1.311.804.289	-	648.495.890	-
Lãi dự thu ngân hàng	875.734.247	-	648.495.890	-
Các khoản thu nộp hộ	436.070.042	-	-	-
Tổng	1.311.804.289	-	648.495.890	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	54.768.701.320	-	38.469.967.319	-
Thành phẩm	30.233.065.357	(983.958.180)	30.443.658.422	-
Giá mua hàng hóa	-	-	140.000.000	-
Tổng	85.001.766.677	(983.958.180)	69.053.625.741	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2025	23.282.105.245	47.605.008.849	14.054.568.797	13.884.788.766	98.826.471.657
Tăng trong năm	573.509.146	518.500.000	2.289.408.000	85.537.037	3.466.954.183
Mua trong năm	-	518.500.000	2.289.408.000	85.537.037	2.893.445.037
XDCB hoàn thành	573.509.146	-	-	-	573.509.146
Giảm trong năm	-	(1.184.311.800)	(268.000.000)	-	(1.452.311.800)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.184.311.800)	(268.000.000)	-	(1.452.311.800)
Số dư tại 31/12/2025	23.855.614.391	46.939.197.049	16.075.976.797	13.970.325.803	100.841.114.040
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2025	20.923.741.146	46.336.783.451	9.237.749.462	13.596.891.786	90.095.165.845
Tăng trong năm	593.015.979	285.862.247	1.492.677.151	126.835.451	2.498.390.828
Khấu hao trong năm	593.015.979	285.862.247	1.492.677.151	126.835.451	2.498.390.828
Giảm trong năm	-	(1.184.311.800)	(268.000.000)	-	(1.452.311.800)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.184.311.800)	(268.000.000)	-	(1.452.311.800)
Số dư tại 31/12/2025	21.516.757.125	45.438.333.898	10.462.426.613	13.723.727.237	91.141.244.873
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2025	2.358.364.099	1.268.225.398	4.816.819.335	287.896.980	8.731.305.812
Số dư tại 31/12/2025	2.338.857.266	1.500.863.151	5.613.550.184	246.598.566	9.699.869.167

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là: 83.303.669.995 VND (tại ngày 01/01/2025 là: 82.580.628.056 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘIThôn Văn, Phường Thanh Liệt,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2025	17.261.158.686	1.470.990.625	18.732.149.311
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	17.261.158.686	1.470.990.625	18.732.149.311
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2025	7.547.207.460	888.991.900	8.436.199.360
Tăng trong năm	467.603.388	268.155.660	735.759.048
Khấu hao trong năm	467.603.388	268.155.660	735.759.048
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	8.014.810.848	1.157.147.560	9.171.958.408
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2025	9.713.951.226	581.998.725	10.295.949.951
Số dư tại 31/12/2025	9.246.347.838	313.843.065	9.560.190.903

(*) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, giá trị 2.761.158.686 đồng. Diện tích đất bao gồm 4.914 m² sử dụng làm trụ sở làm việc, thời hạn sử dụng 50 năm kể từ ngày 01/04/2002 và 141,9 m² nằm trong chỉ giới đường đỏ khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao lại theo quy định.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Phường Minh Đức, Thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, giá trị 14.500.000.000 đồng. Đất khu công nghiệp diện tích 20.488 m², thời gian sử dụng 45 năm đến ngày 18/01/2057.

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Dài hạn	966.044.221	1.212.494.856
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	966.044.221	1.212.494.856
Tổng	966.044.221	1.212.494.856

N: 01
CÔNG
TNH
EM T
AVIEI
HÀ N

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	6.688.514.017	6.688.514.017	7.836.154.038	7.836.154.038
Công ty Cổ phần FSI Việt Nam	673.650.000	673.650.000	67.793.000	67.793.000
Công ty CP Bao Bì Kim Loại Việt Nam	-	-	195.406.559	195.406.559
Công ty TNHH Thương mại Hà Anh Phát	3.154.655.203	3.154.655.203	206.193.680	206.193.680
Công ty TNHH Thương mại Hạnh Đức	1.550.835.000	1.550.835.000	936.100.000	936.100.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Thăng Long	758.454.430	758.454.430	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất CK Hà nội	-	-	640.640.000	640.640.000
Công ty TNHH A.D.V	-	-	3.350.309.600	3.350.309.600
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Mega Việt Nam	-	-	1.073.600.000	1.073.600.000
Các nhà cung cấp khác	550.919.384	550.919.384	1.366.111.199	1.366.111.199
Tổng	6.688.514.017	6.688.514.017	7.836.154.038	7.836.154.038

5.11 Người mua trả tiền trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	2.680.777.728	3.471.120.263
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Sơn Đát	-	840.027.392
Công ty TNHH thương mại Việt Anh	349.686.774	-
Công ty Cổ phần 216	-	810.322.584
Công ty CP Kinh doanh XNK TM Thăng Long Hà Nội	-	102.046.707
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại và Dịch Vụ Nam Hải	262.468.776	329.802.615
Công ty TNHH Mizuki Việt Nam	345.000.000	-
Công ty CP Dịch vụ thương mại và đầu tư Vạn An	267.462.660	146.987.682
Các khách hàng khác	1.456.159.518	1.241.933.283
Tổng	2.680.777.728	3.471.120.263

11917
TY
H
ÁN
NAM
11-VIF

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.12 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2025 VND
Phải nộp	1.235.309.479	17.143.571.650	16.631.453.770	1.747.427.359
Thuế giá trị gia tăng	-	5.869.064.236	5.869.064.236	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.112.600.101	2.112.600.101	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	348.939.667	348.939.667	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.226.185.656	5.334.111.329	4.962.096.116	1.598.200.869
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.120.374.729	980.272.062	140.102.667
Thuế tài nguyên	-	118.400	118.400	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	2.063.889.330	2.063.889.330	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	9.123.823	294.473.858	294.473.858	9.123.823
Phải thu	-	1.341.510.846	-	1.341.510.846
Thuế tài nguyên	-	12.800	-	12.800
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.341.498.046	-	1.341.498.046

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	1.616.151.567	1.707.259.372
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	732.225.520	785.450.804
Chiết khấu bán hàng và chiết khấu thanh toán	366.556.420	342.165.916
Chi phí phải trả khác	517.369.627	579.642.652
Tổng	1.616.151.567	1.707.259.372

5.14 Phải trả khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	3.979.981.639	6.816.309.008
Kinh phí công đoàn	2.404.214.700	2.363.085.130
Các khoản phải trả khác	1.575.766.939	4.453.223.878
Tổng	3.979.981.639	6.816.309.008

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TÔNG HỢP HÀ NỘI
Thôn Văn, Phường Thanh Liệt,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.15 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a. Đối chiếu biến động vốn chủ hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2024	120.270.860.000	14.060.000.000	38.151.435.908	2.527.417.927	15.343.506.483	190.353.220.318
Tăng trong năm	-	-	-	762.740.747	20.772.898.816	21.535.639.563
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	20.772.898.816	20.772.898.816
Trích lập quỹ	-	-	-	762.740.747	-	762.740.747
Giảm trong năm	-	-	-	-	(15.254.814.949)	(15.254.814.949)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.710.878.040)	(13.710.878.040)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.543.936.909)	(1.543.936.909)
Tại ngày 31/12/2024	120.270.860.000	14.060.000.000	38.151.435.908	3.290.158.674	20.861.590.350	196.634.044.932
Tại ngày 01/01/2025	120.270.860.000	14.060.000.000	38.151.435.908	3.290.158.674	20.861.590.350	196.634.044.932
Tăng trong năm	-	-	1.044.361.588	-	20.540.197.010	21.584.558.598
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	20.540.197.010	20.540.197.010
Trích lập quỹ	-	-	1.044.361.588	-	-	1.044.361.588
Giảm trong năm	-	-	-	-	(20.850.977.336)	(20.850.977.336)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(18.762.254.160)	(18.762.254.160)
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	-	(2.088.723.176)	(2.088.723.176)
Tại ngày 31/12/2025	120.270.860.000	14.060.000.000	39.195.797.496	3.290.158.674	20.550.810.024	197.367.626.194

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 43/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2025. Theo đó:

- Trích quỹ Đầu tư phát triển: 1.044.361.588 VND
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 1.044.361.588 VND
- Lợi nhuận còn lại chia cho cổ đông: 15,0%/ Vốn điều lệ với số tiền 18.762.254.160 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TÔNG HỢP HÀ NỘIThôn Văn, Phường Thanh Liệt,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

Cổ đông	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư HAP Việt Nam	37.000.000.000	37.000.000.000
Các Cổ đông khác	83.270.860.000	83.270.860.000
Tổng	120.270.860.000	120.270.860.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	120.270.860.000	120.270.860.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	120.270.860.000	120.270.860.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.762.254.160	13.710.878.040

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.027.086	12.027.086
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.027.086	12.027.086
+ Cổ phiếu phổ thông	12.027.086	12.027.086
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.027.086	12.027.086
+ Cổ phiếu phổ thông	12.027.086	12.027.086

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP***e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	39.195.797.496	38.151.435.908
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.290.158.674	3.290.158.674
Tổng	42.485.956.170	41.441.594.582

5.16 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	31/12/2025	01/01/2025
	Ngoại tệ các loại	
- USD	7.078,26	8.800,08

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán sơn thành phẩm	433.298.171.435	417.500.932.846
Tổng	433.298.171.435	417.500.932.846
Các khoản giảm trừ	241.281.763	167.068.515
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>241.281.763</i>	<i>167.068.515</i>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	433.056.889.672	417.333.864.331

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán sơn thành phẩm	359.664.491.145	345.764.918.706
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	983.958.180	-
Tổng	360.648.449.325	345.764.918.706

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.915.040.282	2.546.608.788
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.422.284	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.854.381	10.613.015
Tổng	2.922.316.947	2.557.221.803

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí chiết khấu thanh toán	3.747.672.957	2.305.509.473
Tổng	3.747.672.957	2.305.509.473

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

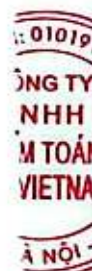
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí bán hàng	17.333.114.362	14.396.360.268
Chi phí nhân viên bán hàng	6.963.205.908	6.457.367.047
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	79.666.679	-
Chi phí khấu hao	33.820.632	33.820.632
Thuế, phí, lệ phí	42.023.083	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.577.723.702	5.799.097.081
Chi phí khác bằng tiền	1.636.674.358	2.106.075.508
Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.305.053.704	30.129.706.381
Chi phí nhân viên quản lý	14.252.991.066	15.919.285.885
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	556.808.649	784.732.458
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.623.673.333	1.668.529.862
Thuế, phí, lệ phí	583.151.208	2.300.825.126
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	23.182.170	-
Chi phí mua ngoài	8.236.867.623	7.019.359.348
Chi phí bằng tiền khác	2.028.379.655	2.436.973.702
Tổng	45.638.168.066	44.526.066.649

6.6 Thu nhập khác / Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản	50.000.000	-
Lãi thanh lý vật tư, phế liệu	-	16.660.513
Xử lý nợ nhỏ lẻ	7.901	-
Tổng	50.007.901	16.660.513
Chi phí khác		
Các khoản phạt vi phạm hành chính về thuế	16.270.545	294.576.048
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	100.114.526	625.062.368
Chi phí khác	4.230.762	40.648
Tổng	120.615.833	919.679.064
Lợi nhuận khác	(70.607.932)	(903.018.551)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu	334.660.873.751	325.551.257.749
Chi phí nhân công	44.800.558.163	44.938.352.863
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.234.149.876	2.813.648.543
Chi phí dự phòng	1.007.140.350	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	26.151.700.425	23.801.645.909
Tổng	409.854.422.565	397.104.905.064

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	25.874.308.339	26.391.572.755
Điều chỉnh tăng	802.102.686	919.638.425
+ Chi phí khấu hao phần vượt nguyên giá 1,6 tỷ của TSCĐ	581.117.365	536.662.377
+ Các khoản chi phí không hợp lý	116.385.321	294.576.048
+ Thù lao trả cho thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	104.600.000	88.400.000
Điều chỉnh giảm	(5.854.381)	(2.738.529.005)
+ Chi phí được trừ khi tính thuế TNDN do đã nộp thuế	-	(2.727.915.990)
+ Lãi CLTG đánh giá lại TGNH có gốc ngoại tệ chưa thực hiện	(5.854.381)	(10.613.015)
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	26.670.556.644	24.572.682.175
<i>Thuế suất thuế TNDN hiện hành</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành (a)	5.334.111.329	4.914.536.435
<i>Thuế TNDN bị truy thu bổ sung của năm trước (b)</i>	-	704.137.504
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành (a+b)	5.334.111.329	5.618.673.939

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.540.197.010	20.772.898.816
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.044.361.588)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.540.197.010	19.728.537.228
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	12.027.086	12.027.086
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.708	1.640

(*) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày lại do trong năm 2025 Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2025 của Công ty, theo đó trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.044.361.588 VND, do đó việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 thay đổi như sau:

	Số đã trình bày	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	20.772.898.816	20.772.898.816	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(1.044.361.588)	(1.044.361.588)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	20.772.898.816	19.728.537.228	(1.044.361.588)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	12.027.086	12.027.086	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.727	1.640	(87)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TÔNG HỢP HÀ NỘI

Thôn Văn, Phường Thanh Liệt,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan của Công ty

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư HAP Việt Nam	Cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các Cổ đông, cá nhân thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan.	Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

a) Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Bên liên quan	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị		304.700.000	250.200.000
Ông Nguyễn Thiện Ái	Chủ tịch HĐQT	80.900.000	69.400.000
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	59.700.000	48.200.000
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Ủy viên HĐQT	54.700.000	44.200.000
Ông Nguyễn Xuân Cường	Ủy viên HĐQT	54.700.000	44.200.000
Ông Trịnh Lê Minh	Ủy viên HĐQT	54.700.000	44.200.000
Thù lao của Ban kiểm soát		129.100.000	99.600.000
Ông Nguyễn Minh Đức	Trưởng Ban Kiểm soát	48.900.000	38.400.000
Ông Vương Tuấn Anh	Ủy viên Ban Kiểm soát	40.100.000	30.600.000
Bà Phạm Thị Huyền	Ủy viên Ban Kiểm soát	40.100.000	30.600.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý khác		1.706.267.908	1.892.581.893
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc	672.602.600	610.858.925
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc	586.190.858	503.487.463
Ông Trần Thế Giang	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 01/11/2024)	-	464.054.667
Bà Phạm Thu Hà	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 13/03/2025)	447.474.450	314.180.838
Tổng		2.140.067.908	2.242.381.893

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Đỗ Minh Tâm

Kế toán trưởng



Phạm Thu Hà

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026



Nguyễn Ngọc Anh

CPA VIETNAM

Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org